

## MỤC LỤC

<b>Phiên toàn thể - PLENARY SESSION</b>			<b>1</b>
1		counts as quality in foreign language teaching?	2
2	<i>Nguyễn Đức Chính</i>	Language resources in Vietnamese families for second language learning and research from the perspective of family language policy	3
3	<i>Liêu Linh Chuyên</i>	Phát huy vai trò từ Hán Việt trong quá trình dạy dịch Hán - Việt, Việt - Hán	4
<b>Công nghệ và dạy học - TECHNOLOGY AND LANGUAGE TEACHING (1)</b>			<b>5</b>
4	<i>Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Lê Thị Huyền, Phạm Thị Quỳnh Hoa</i>	English teachers' opinions on online professional learning communities in professional development at National Economics University	6
5	<i>Nguyen Thi Hang, Le Thi Ngoc Diep, Nguyen Phuong Hoai</i>	Online english learning for students at advanced education programs (aep) - national economics university (neu): benefits and challenges	17
6	<i>Nguyễn Hồng Mai</i>	CIPP model in evaluating blended learning programs at tertiary level in Vietnam	28
7	<i>Nawamin Prachanant</i>	Readiness for online learning of Thai EFL city students during the Covid-19 pandemic	39
<b>Công nghệ và dạy học - LANGUAGE TEACHING (2)</b>			<b>51</b>
8	<i>Trần Thị Hồng Anh</i>	Tìm hiểu ảnh hưởng của yếu tố cảm xúc tới việc tiếp nhận ngôn ngữ thứ hai và kiến nghị đối với công tác giảng dạy tiếng Trung Quốc	52
9	<i>Trần Minh Trang, Nguyễn Thị Minh Tâm</i>	Sử dụng Quizlet trong phần “looking back” - Sách Tiếng Anh 7 nhằm cải thiện khả năng ghi nhớ, duy trì từ vựng	65

<b>Phương pháp dạy học và đánh giá - LANGUAGE TEACHING AND ASSESSMENT</b>			<b>83</b>
10	<i>Nguyễn Hoàng Hạnh An, Nguyễn Vũ Quỳnh Như</i>	Effectiveness of using Corpus as a self-correction tool in EFL Writing	84
11	<i>Đặng Thị Mỹ Dung</i>	Critical factors influencing motivation and achievements of English learners in Vietnam	101
12	<i>Nguyễn Mai Linh</i>	Vietnamese high school students' perceptions of non-native and native English teachers in English classes	114
13	<i>Ngô Lê Hoàng Phương, Hồ Thị Thuỳ Trang</i>	Phản hồi của giáo viên Tiếng Anh tiểu học về hiệu quả học phần “Tổ chức các hoạt động xây dựng môi trường học và sử dụng ngoại ngữ ở trường tiểu học”	126
14	<i>Nguyễn Trịnh Thảo Trinh, Nguyễn Hồ Hoàng Thuỷ</i>	Teachers' personal needs and plans in professional development: A case study with EFL novice teachers at University of Foreign Languages, Hue University	139
15	<i>Nguyễn Thị Bạch Yến</i>	Impacts of the alternative assessment methods on education quality at HUFLIT	154
<b>Tiếng Anh chuyên ngành - ENGLISH FOR SPECIFIC PURPOSES</b>			<b>165</b>
16	<i>Trương Thị Dung, Nguyễn Ngọc Hà, Ngô Thu Hà</i>	Dạy – học theo dự án như một công cụ để dạy ngoại ngữ chuyên ngành tại các trường đại học không chuyên ngữ	166
17	<i>Lê Thị Thanh Hải, Nguyễn Hồ Hoàng Thuỷ</i>	Hoạt động hỗ trợ học tập (scaffolding): Sự cần thiết và hiệu quả đối với kỹ năng viết của sinh viên	174
18	<i>Nguyễn Thị Việt Nga</i>	Using translation activities to enhance ESP learners' reading comprehension skills	186
19	<i>Nguyễn Thị Thương</i>	Kênh hình trong sách giáo khoa Tiếng Anh: Để trang trí hay để dạy học?	200
20	<i>Nguyễn Ngọc Trân, Đặng Thị Mỹ Dung</i>	Nâng cao từ vựng tiếng Anh thương mại cho sinh viên các chương trình đào tạo Quốc tế tại trường Đại học Ngoại thương – cơ sở II tại Thành phố Hồ Chí Minh	215

<b>Dạy và học các Ngôn ngữ đương đại - TEACHING AND LEARNING CONTEMPORARY LANGUAGES</b>			<b>225</b>
21	<i>Nguyễn Thị Hương Huệ</i>	Dạy kiến thức văn hóa qua thuyết trình giới thiệu các địa danh du lịch ở học phần thực hành nói cho sinh viên năm 3 ngành ngôn ngữ Pháp - Khoa Tiếng Pháp - Tiếng Nga - Trường Đại học Ngoại ngữ Huế	226
22	<i>Trương Kiều Ngân</i>	Áp dụng phương pháp dạy học theo dự án vào các môn chuyên ngành Du lịch cho sinh viên tiếng pháp Khóa 15 - Khoa Tiếng Pháp - Tiếng Nga - Trường Đại học Ngoại Ngữ - Đại học Huế	235
23	<i>Thái Thị Hồng Phúc</i>	Nâng cao chất lượng dạy/học học phần giảng tập của sinh viên ngành sư phạm tiếng Pháp trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế	244
24	<i>Nguyễn Thanh Sơn</i>	Nghiên cứu khó khăn của sinh viên khi dịch thành ngữ Nga sang tiếng Việt: Trường hợp sinh viên ngành ngôn ngữ Nga, khoa Tiếng Pháp – Tiếng Nga, trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế	255
25	<i>Nguyễn Thị Kim Liên</i>	Cụm danh từ tiếng Đức: khảo sát bản dịch của sinh viên tiếng Đức Trường Đại học Hà Nội	268
<b>Dạy và học tiếng Trung Quốc - TEACHING AND LEARNING CHINESE</b>			<b>281</b>
26	<i>Cầm Tú Tài</i>	Bàn về hiện tượng đồng hình dị nghĩa trong dạy học tiếng Hán cho sinh viên chuyên ngữ Việt Nam	282
<b>Ngôn ngữ học và dịch thuật - LINGUISTICS AND TRANSLATION STUDIES</b>			<b>297</b>
27	<i>Liu Shuchen</i>	Interpreting culture-loaded expressions from the perspective of interpretive theory of translation	298
28	<i>Lê Thùy Linh</i>	Linguistic problems in translating Business letters from English into Vietnamese in EFL classes, National Economics University	309
29	<i>Nguyễn Thị Nhật Linh</i>	An analysis of modulation System in Vietnamese from systemic functional perspective and some suggestions of legal translation	325

30	<i>Nguyễn Diệu Linh</i>	An analysis of lexical transfer from Vietnamese to English in Adjective + Preposition collocations	338
31	<i>Phạm Thị Tố Loan, Nguyễn Thị Phương Thùy</i>	Rhetorical structure of introduction section in English and Vietnamese research articles in Economics field: A contrastive analysis	349
<b><i>Tiếng Việt và Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu - VIETNAMESE AND CONTRASTIVE LINGUISTICS</i></b>			<b>363</b>
32	<i>Liêu Linh Chuyên, Nguyễn Hoàng Khánh Trang, Nguyễn Thị Linh Tú, GONG Piying</i>	Tìm hiểu tư tưởng giáo dục xã hội của người Trung Quốc qua thành ngữ tiếng Hán	364
33	<i>Trần Thị Xuân</i>	Giải pháp nâng cao hiệu quả dạy và học các học phần liên quan đến văn hóa Việt Nam cho người nước ngoài tại khoa Việt Nam học, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế	373
<b><i>Ngôn ngữ và Văn hóa Nhật –Hàn - JAPANESE – KOREAN LANGUAGE AND CULTURE</i></b>			<b>386</b>
34	<i>Nguyễn Thị Hồng Hoa</i>	Khảo sát việc tìm kiếm và xử lý ngữ liệu song ngữ trong quá trình học học phần ngôn ngữ học đối chiếu Nhật - Việt của sinh viên năm 3 Khoa Tiếng Nhật, Trường Đại học Ngoại Ngữ, Đại Học Huế	387
35	<i>Hoàng Thị Lan Nhi</i>	Khó khăn khi biên dịch truyện tranh Nhật Bản của sinh viên khoa NN&VH Nhật Bản, trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế	405

# **NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY/HỌC HỌC PHẦN GIẢNG TẬP CỦA SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM TIẾNG PHÁP TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ, ĐẠI HỌC HUẾ**

**Thái Thị Hồng Phúc**

Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế

## **Tóm tắt**

Giảng tập (Phương pháp dạy học 6) là học phần được giảng dạy vào học kỳ 7 cho sinh viên năm thứ 4 ngành Sư phạm tiếng Pháp. Đây là học phần rất quan trọng, giúp sinh viên nắm các bước tiến hành trong một tiết và những yêu cầu của tiết dạy thông qua việc soạn giáo án. Ngoài ra, sinh viên có cơ hội tập giảng, làm quen với việc đứng lớp để chuẩn bị tốt cho đợt kiến tập-thực tập sư phạm tại các trường phổ thông vào học kỳ 8. Qua thực tế giảng dạy học phần này, chúng tôi nhận thấy sinh viên gặp nhiều khó khăn, lúng túng trong việc soạn giáo án và làm quen tập giảng trước lớp. Trong bài báo, chúng tôi sẽ nghiên cứu nhận thức của sinh viên về học phần giảng tập, những khó khăn gặp phải trong quá trình học và một số đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả dạy/học học phần, giúp cho sinh viên vận dụng những kiến thức đã được học, hoàn thành tốt đợt kiến tập-thực tập sư phạm, đồng thời rèn luyện các kỹ năng cần thiết cho công việc giảng dạy sau khi ra trường.

**Từ khóa:** Giảng tập, giáo án, sư phạm tiếng Pháp.

## **1. Mở đầu**

Lịch sử dạy học ngoại ngữ đã trải qua nhiều phương pháp khác nhau như: phương pháp ngữ pháp-dịch, phương pháp nghe-nhìn, phương pháp nghe-nói, phương pháp giao tiếp... Trong thời kỳ đầu thế kỷ 19, phương pháp ngữ pháp-dịch (méthode grammaire-traduction), còn gọi là phương pháp truyền thống (méthode traditionnelle) được sử dụng rộng rãi ở châu Âu để dạy các ngôn ngữ La-tinh và Hy Lạp. Ưu điểm của phương pháp này là người học được học các tác phẩm văn học, ngữ pháp qua tình huống cụ thể và tiếng mẹ đẻ là ngôn ngữ chính để giảng dạy. Tuy nhiên, khi học ngoại ngữ, học sinh chủ yếu nghiên cứu các cấu trúc ngữ pháp, chú trọng vào phần dịch và hầu như không dùng ngoại ngữ để giao tiếp. Phương pháp trực tiếp (méthode directe) là một sự phản ứng tích cực của các nhà ngôn ngữ đối với phương pháp ngữ pháp-dịch, trong đó người học có nhiều cơ hội tiếp xúc bằng ngoại ngữ và có thể ứng dụng được ngôn ngữ đã học vào các giao tiếp thực tế (Puren, 1988). Từ đây, phương pháp học ngoại ngữ tích cực đã bắt đầu xuất hiện khi giảng dạy bước đầu chú trọng đến yếu tố người học. Trong những năm 40, phương pháp nghe nói (méthode audio-orale) bắt đầu hình thành, dựa trên những đặc điểm của ngôn ngữ học cấu trúc. Với phương pháp này, bài học bắt đầu bằng một mẫu hội thoại với trọng tâm kỹ năng là nghe, nói; trong đó, ngữ âm rất quan trọng và ngữ pháp giảng dạy theo cấu trúc. Phương pháp nghe-nhìn, hay còn gọi phương pháp cấu trúc tổng thể nghe-nhìn (méthode

structuro-globale audiovisuelle) xuất hiện vào những năm 50 từ những công trình nghiên cứu của các giáo sư Guberina và Rivenc, trường đại học Zagreb (Tagliante, 1994). Guberina đã xây dựng những cơ sở lý thuyết đầu tiên của phương pháp nghe-nhìn. Phương pháp này ngự trị ở Pháp vào những năm 1960-1970 và sách giáo khoa đầu tiên được biên soạn theo phương pháp sư phạm này là “Voix et images de France”. Đường hướng giao tiếp (approche communicative) ra đời và phát triển mạnh từ những năm 1970 cho đến nay. Theo đường hướng giao tiếp, người ta quan tâm đến phát triển cả 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết và được dạy đan xen chứ không tách biệt từng kỹ năng, tất cả nhằm hướng vào nhu cầu của người học. Chức năng của ngôn ngữ là giao tiếp và các hoạt động đều phải gắn với hoàn cảnh giao tiếp. Hiện nay, giáo viên thường thiết kế chương trình giảng dạy các học phần thực hành tiếng này đều dựa trên việc phân tích nhu cầu của người học. Các hoạt động trên lớp gắn liền với việc sử dụng tiếng, thông qua đó, người học nắm thành thạo các chiến lược giao tiếp. Kế hoạch dạy học hiệu quả thể hiện rõ qua liên kết với kiến thức, kỹ năng và kết quả mà người học đã đạt được. Để đạt được điều đó, giáo viên không chỉ bám sát chuẩn, nắm vững qui trình và kỹ thuật dạy học theo kỹ năng mà phải có giáo án phù hợp trình độ nhận thức và khả năng của học sinh. Trên thực tế, sinh viên năm thứ 4 chuyên ngành sư phạm tiếng Pháp của Khoa Tiếng Pháp-Tiếng Nga gặp nhiều khó khăn khi học học phần giảng tập, một trong những học phần giảng dạy cho sinh viên chuyên ngành sư phạm để chuẩn bị tốt cho đợt kiến tập-thực tập tại các trường phổ thông. Chính vì vậy, trong bài viết này, chúng tôi tập trung tìm hiểu các vấn đề sau:

- Nhận thức của sinh viên về sự cần thiết của học phần này đối với đợt kiến tập-thực tập của sinh viên và trong nghề nghiệp tương lai sau khi ra trường?

- Sinh viên gặp khó khăn gì khi học học phần này?

- Làm thế nào để nâng cao chất lượng dạy và học học phần này một cách có hiệu quả nhất?

## **2. Cơ sở lý luận**

### **2.1. Dạy học theo chuẩn kiến thức-kỹ năng**

**Hiện nay, xu hướng chung của giáo viên là dạy học theo chuẩn kiến thức-kỹ năng, nhằm tạo điều kiện cho học sinh tích cực và tự giác trong học tập.**

Theo Trần Văn Dũng (2010), chuẩn là những yêu cầu, tiêu chí tuân thủ những nguyên tắc nhất định, được dùng để làm thước đo đánh giá hoạt động, công việc, sản phẩm của lĩnh vực nào đó; đạt được những yêu cầu của chuẩn là đạt được mục tiêu mong muốn của chủ thể quản lý hoạt động, công việc, sản phẩm đó. Chuẩn kiến thức-kỹ năng là yêu cầu đòi hỏi đối với giáo viên trong quá trình thực hiện chương trình giảng dạy, là căn cứ để biên soạn sách giáo khoa, tài liệu dạy học, xác định mục tiêu mỗi giờ học, kiểm tra, đánh giá với bài kiểm tra, bài thi.

Kiến thức-kỹ năng phải dựa trên cơ sở phát triển năng lực, trí tuệ học sinh ở các mức độ từ đơn giản đến phức tạp. Mức độ cần đạt được về kiến thức được xác định theo 6 mức

độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng, phân tích, đánh giá và sáng tạo. Về kỹ năng, người học biết vận dụng các kiến thức đã học để trả lời các câu hỏi, giải bài tập, làm thực hành... Thông thường, kỹ năng được xác định theo 3 mức độ: thực hiện được, thực hiện thành thạo và thực hiện sáng tạo.

**Phương pháp dạy học truyền thống** là cách dạy học được truyền lâu đời qua nhiều thế hệ với phương pháp lấy giáo viên làm trung tâm, giáo viên sẽ là người thuyết trình, diễn giải kho tàng tri thức còn học sinh sẽ là người lắng nghe, ghi chép và học thuộc. Khác với phương pháp này, dạy học theo chuẩn kiến thức-kỹ năng giúp cho người học ý thức được việc học, tự giác, có ý thức, trách nhiệm trong học tập, từ đó tự học, tự đánh giá và có nhu cầu, hứng thú học tập trong suốt cả quá trình. Dạy học, kiểm tra, đánh giá theo chuẩn kiến thức-kỹ năng đòi hỏi giáo viên phải biết đổi mới cách thức soạn giáo án, thể hiện rõ những mục tiêu cần đạt được, các phương thức tổ chức hoạt động tương tác giữa người dạy và người học cũng như các tiêu chí đánh giá một tiết dạy có hiệu quả. Muốn làm được điều này, giáo viên phải nắm vững phương pháp soạn giáo án kỹ năng, nội dung và cấu trúc của nó.

## **2.2. Soạn giáo án theo chuẩn kiến thức-kỹ năng**

Giáo án là **kế hoạch giảng dạy** của giáo viên dự định sẽ thực hiện cho một bài học, một tiết học hay là một buổi lên lớp. Giáo án của mỗi giáo viên sẽ thay đổi và có sự khác nhau tùy thuộc vào đối tượng, điều kiện dạy học nhưng về nội dung, mục đích sẽ hoàn toàn giống nhau.

Theo Trần Văn Dũng (2011), giáo án dạy kỹ năng được xây dựng dựa trên quan điểm giáo viên tổ chức các hoạt động tương tác đa dạng, dẫn dắt người học thực hiện các công việc đã đề ra sau mỗi hoạt động. Ưu điểm của giáo án kỹ năng là giúp người dạy phát huy tư duy độc lập, sáng tạo của người học, chủ động khám phá kiến thức của bài mới, nhận biết thông tin, ghi nhớ kiến thức, vận dụng vào thực hành, từ đó có khả năng phát triển các năng lực cao hơn như phân tích, tổng hợp, đánh giá và sáng tạo (theo bảng phân loại của Bloom). Trong bài soạn giáo án phải thể hiện được các phần cơ bản sau đây:

- Định hướng tiết dạy: nêu rõ những kiến thức, kỹ năng học sinh phải đạt được sau tiết dạy, nội dung cần khắc sâu giúp người học ghi nhớ, hiểu, vận dụng bài mới, phương pháp, kỹ thuật và công cụ dạy học.

- Tổ chức thực hiện: ghi rõ tiến trình triển khai trên lớp, thể hiện rõ qua sự tổ chức hoạt động giữa người dạy và người học. Theo bảng phân loại năng lực của Bloom, chu trình kỹ thuật dạy học được trình bày theo 3 cột dọc: cột 1 là các bước tương ứng với qui trình nhận thức, cột 2 thể hiện các hoạt động tương tác giáo viên phải/cần tổ chức (câu lệnh, nội dung công việc, phương thức học sinh phải/cần thực hiện, công cụ được sử dụng, nhiệm vụ phải hoàn thành) và cột 3 ghi các thao tác học sinh phải/cần làm để thực hiện hoạt động của giáo viên yêu cầu qua câu lệnh(consigne).

- Đánh giá, điều chỉnh: những nhận xét, đánh giá của bản thân giáo viên sau tiết dạy (ưu điểm, khuyết điểm, nguyên nhân và giải pháp khắc phục).

Theo Ông Trần Văn Dũng (2011), qui trình dạy học 3 cột này biểu thị mối quan hệ tương tác hàng ngang của mỗi hoạt động và bao gồm 6 giai đoạn sau:

- Khởi động (sensibilisation): giáo viên tổ chức hoạt động giúp học sinh tái hiện kiến thức vừa học ở bài trước hoặc huy động năng lực, kỹ năng để giúp thực hiện nhiệm vụ khám phá bài mới sau đó.

- Khám phá (découverte): giáo viên gợi ý học sinh khám phá bài học, phát hiện ra kiến thức của bài mới qua các công thức, từ vựng, cấu trúc ngữ pháp,...

- Khắc sâu kiến thức (conceptualisation): Giáo viên chốt lại kiến thức của bài mới đã được dạy dưới dạng biểu bảng, công thức... Đây là giai đoạn rất quan trọng, giúp người học hiểu bài hơn, ghi nhớ, chuyển kiến thức đã được học thành kiến thức của mình.

- Thực hành (pratique): học sinh sử dụng kiến thức đã học để làm các dạng bài tập vận dụng theo yêu cầu của giáo viên. Kết quả đạt được sau phần thực hành sẽ giúp giáo viên đánh giá hiệu quả của kiến thức mà học sinh vừa lĩnh hội.

- Củng cố (consolidation): giáo viên nâng cao phần thực hành liên quan đến chủ đề của bài học, có trong sách bài tập hoặc ngoài sách giáo khoa với các dạng bài tập mở rộng nhằm đánh giá hiệu quả về kỹ năng.

- Yêu cầu về nhà (travail à la maison): giáo viên hướng dẫn học sinh mở rộng thực hành ngoài giờ trên lớp như hệ thống lại khái niệm, kỹ năng cũ để có thể làm quen, khám phá bài mới ở tiết học sau.

Mỗi hoạt động đều được triển khai thứ tự theo một trình tự: giáo viên ra câu khẩu lệnh để kiểm tra xem học sinh có hiểu yêu cầu của giáo viên hay không, tổ chức thực hiện theo nhiều hình thức do giáo viên quyết định: làm việc cá nhân, theo nhóm, tổ và cuối cùng giáo viên tổng kết, đánh giá. Qua đây chúng ta nhận thấy, giáo án kỹ năng thể hiện rõ tiêu chí cần đạt được sau tiết dạy, điều này sẽ có tác động tích cực đến việc nâng cao chất lượng giờ dạy và tạo hứng thú học tập cho mỗi học sinh.

### **3. Phương pháp nghiên cứu**

#### **3.1. Đối tượng nghiên cứu**

Học phần giảng tập là học phần bắt buộc, được giảng dạy vào học kỳ 7 (học kỳ I năm thứ 4) sau khi sinh viên đã học xong các học phần: rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, phương pháp dạy học nghe-nói, phương pháp dạy học đọc-viết, lý luận phương pháp dạy học và các học phần giảng dạy cùng với học phần giảng tập trong học kỳ này là: khảo sát sách giáo khoa và phương pháp dạy học ngữ âm-từ vựng-ngữ pháp. Tất cả những học phần đã được học giúp sinh viên nắm vững các nguyên tắc cơ bản về hoạt động dạy học ngoại ngữ, các đặc trưng của nhiều đường hướng dạy học khác nhau cũng như nhiệm vụ, vai trò của người học, người dạy trong một lớp học ngoại ngữ. Ngoài ra, sinh viên được trang bị, kiến thức, kỹ năng về viết bảng, vẽ, thiết kế giáo cụ trực quan, kỹ năng tổ chức trò chơi trong lớp, xử lý các tình huống sư phạm, kỹ năng soạn giáo án điện tử và một số kỹ năng



mềm khác. Học phần giảng tập chú trọng đến 2 phần chính trong bài giảng của giáo viên: cách thức soạn một giáo án dạy theo kỹ năng và tập giảng của sinh viên giúp cho công tác kiến tập-thực tập sư phạm và nâng cao tay nghề trong quá trình công tác giảng dạy phổ thông sau này.

### **3.2. Khách thể nghiên cứu**

Nghiên cứu của chúng tôi gồm có 15 sinh viên sư phạm Tiếng Pháp K13 của Khoa Tiếng Pháp-Tiếng Nga, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế (năm học 2019-2020). Thời điểm khảo sát là cuối tháng 6 năm 2020, sau khi sinh viên đã kết thúc đợt kiến tập-thực tập ở trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế. Chúng tôi đã tiến hành phát phiếu điều tra, có 06 câu hỏi về nhận thức của sinh viên về học phần giảng tập, những khó khăn mà sinh viên gặp phải cũng như một số giải pháp đề xuất nhằm cải thiện chất lượng dạy và học học phần này.

### **3.3. Phương pháp nghiên cứu**

Đề tài sử dụng phương pháp tổng hợp tài liệu lý thuyết liên quan đến nội dung chính của đề tài. Chúng tôi sử dụng phương pháp định lượng và định tính qua bảng khảo sát sinh viên. Ngoài ra, chúng tôi sử dụng phương pháp thống kê phân tích để đưa ra kết quả nghiên cứu.

## **4. Kết quả nghiên cứu**

### **4.1. Nhận thức của sinh viên về học phần giảng tập**

**Bảng 1:** Sự cần thiết của việc dạy và học học phần giảng tập

	1(%)	2(%)	3(%)	4(%)	5(%)
<b>Câu 1:</b> Theo bạn, việc dạy và học học phần giảng tập là cần thiết trong chương trình đào tạo ngành sư phạm tiếng Pháp?	0	0	0	25	75

*1: Không cần thiết; 2: Ít cần thiết; 3: Tương đối cần thiết; 4: Cần thiết; 5: Rất cần thiết*

### **Câu 2:** Nếu cần thiết, hãy giải thích lý do vì sao?

Phần lớn sinh viên đều nhận thấy việc học học phần này là rất cần thiết (75%), không có sinh viên nào chọn 3 phương án đầu tiên. Sự cần thiết này được sinh viên giải thích qua việc sắp xếp hợp lý học phần giảng tập vào học kỳ I năm 4 nhằm trang bị thêm cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng giảng dạy ngoại ngữ để có thể áp dụng trong công việc sau này. Ngoài các học phần song hành cùng với học phần này, sinh viên nhận thức được việc rèn luyện, thực hành nhiều hơn nữa các kỹ năng soạn giáo án theo chuẩn kiến thức kỹ năng, có cơ hội rèn luyện thêm nghe, nói, đọc, viết cũng như có thời gian tập giảng trước lớp, tự tin với bản thân hơn khi tập giảng. Ngoài ra, sinh viên cho rằng, khi soạn giáo án và thực hành giảng trước các bạn cùng lớp và giáo viên phụ trách học phần giúp sinh viên hiểu và có kiến thức sâu hơn về ngành sư phạm, giúp họ giao tiếp tốt và xử lý các tình

huống có thể xảy ra trong một tiết học. Những nhận xét, đóng góp ý kiến của giáo viên phụ trách sau mỗi tiết tập giảng sẽ là hành trang cần thiết, tạo động lực cho sinh viên bước vào đợt kiến tập-thực tập vào học kỳ 8.

#### **4.2. Những khó khăn của sinh viên khi học học phần giảng tập**

**Bảng 2:** Những khó khăn của sinh viên khi học học phần này

<b>Câu 3:</b> <i>Bạn gặp khó khăn gì khi học học phần giảng tập? (Có thể chọn nhiều phương án)</i>	Số sinh viên/15	Tỷ lệ (%)
1. Chưa làm chủ được kiến thức của mình trong việc soạn giáo án cũng như khi giảng dạy.	12	80
2. Khó xác định mục tiêu, trọng tâm của 1 bài giảng.	10	66,7
3. Khó phân phối thời gian hợp lý cho 1 tiết dạy.	8	53,3
4. Không phân biệt được các tiến trình thực hiện của 1 giáo án kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết, ngữ pháp).	4	26,7
5. Khó khăn về mặt ngôn ngữ và kiến thức văn hóa, xã hội.	12	80
6. Khó khăn trong việc xử lý các tình huống sư phạm có thể xảy ra trong 1 tiết dạy.	5	33,3
7. Thiết kế các hoạt động học tập, các dạng câu hỏi, bài tập.	15	100
8. Tương tác qua lại giữa giáo viên và người học khi tập giảng.	5	33,3
Ý kiến khác:.....		

Theo kết quả điều tra, việc soạn giáo án kỹ năng gây nhiều khó khăn cho sinh viên (chiếm hơn 50%). Chúng ta biết rằng, để có 1 tiết dạy thành công, ngoài nắm vững các phương pháp giảng dạy, người dạy phải biết phân phối thời gian hợp lý để học sinh có thể suy nghĩ và ứng dụng những điều vừa mới được học, xác định cho được đâu là nội dung trọng tâm của bài để dành thời gian thích hợp, tránh dạy sa đà. Xác định mục tiêu bài giảng có ý nghĩa quan trọng, giúp định hướng và tổ chức các hoạt động dạy học phù hợp và là cơ sở để xác định kết quả học tập cần đạt được của người học. Ngoài ra, giáo viên phải có vốn kiến thức sâu về môn học mình đảm trách, đặc biệt nắm vững kiến thức ngôn ngữ và văn hóa, tránh lúng túng và giải thích sai lệch hoặc thiếu nội dung kiến thức bài học. Việc xử lý các tình huống sư phạm cũng gây nhiều khó khăn cho một số sinh viên (33,3%). Không ai có thể chắc chắn không có chuyện gì xảy ra trong quá trình giảng dạy. Do đó, sinh viên phải biết xử lý một cách linh hoạt để đảm bảo bài giảng vẫn đạt được mục tiêu đã đề ra ban đầu.

Sự hợp tác tích cực giữa thầy và trò đóng vai trò hết sức quan trọng và quyết định thành công của một tiết dạy. Muốn vậy, giáo viên phải bao quát lớp học, hiểu học trò của

mình vì trong một lớp học sẽ có nhiều trình độ khác nhau nên sự phân công hoạt động học tập phải hợp lý để giúp học sinh có hứng thú trong học tập, tạo môi trường thuận lợi, từ đó học sinh sẽ có động cơ học tập tốt hơn qua mỗi tiết học. Đặc biệt, 100% sinh viên được hỏi đều nhận thấy khó khi thiết kế các hoạt động học tập, các dạng câu hỏi, bài tập nhằm phát triển tư duy, rèn luyện kỹ năng cho học sinh với các hình thức đa dạng, phong phú phù hợp với bài học, với đối tượng học sinh và với điều kiện của trường, lớp.

**Bảng 3:** Nguyên nhân gây ra khó khăn khi học học phần giảng tập

<b>Câu 4:</b> Theo bạn, nguyên nhân nào gây ra các khó khăn khi soạn giáo án và thực hành tập giảng?	<b>Số sinh viên/15</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
1. Vốn từ và cấu trúc câu (cấu trúc ngữ pháp) hạn chế.	15	100
2. Thiếu kiến thức về văn hóa xã hội.	15	100
3. Thời gian tập giảng trên lớp không nhiều/đủ.	2	13,3
4. Thiếu các kiến thức cơ bản về giảng dạy ngoại ngữ.	2	13,3
5. Tài liệu tham khảo cho học phần còn hạn chế.	0	0

Ý kiến khác: .....

Một trăm phần trăm sinh viên được điều tra cho rằng vốn từ vựng, ngữ pháp còn hạn chế và thiếu kiến thức về văn hóa xã hội sẽ gây khó khăn khi viết giáo án và tập giảng. Thiết kế bài giảng ngoại ngữ đòi hỏi giáo viên phải nắm chắc ngôn ngữ, sử dụng đúng thì, đúng cấu trúc ngữ pháp, giải thích chính xác từ vựng cũng như các yếu tố văn hóa xã hội có trong bài dạy. Một nguyên nhân khác cũng được sinh viên chọn là thiếu kiến thức cơ bản về giảng dạy ngoại ngữ (chiếm 13,3%), điều này có thể giải thích qua một số ý kiến khác của sinh viên như: chưa có động lực học, thiếu sự tập trung vào bài giảng trên lớp, không dành nhiều thời gian cho việc ôn những kiến thức đã được học trước đó cũng như thời gian tự học ngoài giờ lên lớp.

Đây là câu hỏi mở nhằm giúp chúng tôi tìm hiểu phương pháp học của sinh viên để đạt kết quả tốt nhất. Có 12 sinh viên trả lời câu hỏi này, chiếm 80% số sinh viên được điều tra. Một số kinh nghiệm sinh viên nêu ra được chúng tôi tổng hợp và trình bày trong bảng sau:

**Bảng 4:** Một số kinh nghiệm trong việc thiết kế giáo án và giảng dạy

<b>Câu 5:</b> Bạn có thể nêu một số kinh nghiệm để có thể thiết kế tốt 1 giáo án tiếng Pháp và 1 tiết dạy thành công?	<b>Số sinh viên/12</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
1. Thường xuyên tập giảng theo nhóm nhỏ (2 hoặc 3 bạn), quay video, mở xem lại để rút kinh nghiệm cho những lần dạy sau.	5	41,7

2. Xem kỹ sách giáo viên khi soạn bài để nắm chắc trọng tâm của bài, kiến thức ngôn ngữ và văn hóa xã hội có trong bài dạy.	2	16,7
3. Chuẩn bị kỹ giáo án trước khi lên lớp, thực hiện đầy đủ các bước theo qui trình của một tiết soạn giáo án.	12	100
4. Qua mạng Internet, thu thập thêm thông tin về nội dung bài học để có kiến thức về chủ đề muốn truyền đạt, tạo sự tự tin khi giảng dạy.	12	100
5. Kết hợp các kỹ năng: hỏi-đáp, giải thích, trình bày bảng, sử dụng các phương tiện, thiết bị dạy học (máy tính, trình chiếu) trong giờ dạy nhằm giúp học sinh tiếp thu bài học tích cực hơn.	3	25
6. Phân biệt rõ hoạt động của giáo viên và hoạt động của học sinh trong từng hoạt động cụ thể, tránh lúng túng khi đứng lớp.	7	58,3
7. Phần khởi động(sensibilisation) nên chuẩn bị đa dạng(tổ chức trò chơi, tranh ảnh, xem video,..) nhằm tạo sự hưng phấn cho học sinh hướng đến trọng tâm bài học.	4	33,3

Nhằm nâng cao chất lượng dạy, học học phần giảng tập, chúng tôi đã tập hợp ý kiến của sinh viên trong bảng sau (có 08 sinh viên trả lời câu hỏi, chiếm 53,3%):

**Bảng 5:** Một số ý kiến đề xuất của sinh viên

<b>Câu 6:</b> <i>Bạn có những ý kiến đề xuất gì nhằm nâng cao chất lượng dạy, học học phần này?</i>	<b>Số sinh viên/8</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
1. Tăng thời lượng học từ 2 tín chỉ thành 3 tín chỉ để có nhiều thời gian thực hành nhiều hơn.	8	100
2. Cải thiện chất lượng máy móc và đường truyền Internet trong phòng học nhằm phục vụ tốt cho việc giảng tập.	6	75
3. Giảng viên nên dành một số giờ dạy để trao đổi kinh nghiệm giảng dạy của mình.	2	25
4. Giảng viên cung cấp thêm một số giáo án đã được soạn ở các trường thực tập của các anh chị khóa trước để làm tài liệu tham khảo.	2	25

## 5. Đề xuất

Soạn một giáo án hiệu quả đòi hỏi phải đầu tư thời gian cũng như sự hiểu biết về mục tiêu và khả năng của học sinh. Mục đích của giáo án, cũng như của việc giảng dạy là để thúc đẩy học sinh tiếp thu những gì giáo viên truyền đạt và ghi nhớ tốt nhất. Những

kinh nghiệm cũng như những ý kiến đóng góp đã được trình bày ở phần trên của một số sinh viên sẽ giúp cho giáo viên phụ trách học phần có những phương pháp giảng dạy thích hợp hơn với mỗi đối tượng sinh viên từng khóa học.

Để dạy và học hiệu quả học phần giảng tập, chúng tôi xin đề xuất một số giải pháp sau:

*Đối với giảng viên:* xây dựng động cơ học tập cho sinh viên ngay buổi học đầu tiên, phân tích cụ thể về những lợi ích của việc tham gia tích cực học phần này, giúp họ có nhận thức đúng và đầu tư thời gian thích hợp. Giảng viên phải có kỹ năng truyền đạt dễ hiểu và có độ tin cậy cao, để thuyết phục được sinh viên hứng thú với môn học. Xây dựng phương pháp học cho sinh viên cũng rất quan trọng như: cách thức học tập, cách thức tiếp cận các nguồn tài liệu trên mạng và các cách thức tự học cho học phần này để khắc phục hạn chế về kiến thức ngôn ngữ và văn hóa. Trong quá trình dạy học, giảng viên cần phối hợp các phương pháp phù hợp với đặc trưng của học phần để nâng cao hiệu quả bài giảng của mình. Sau mỗi giờ tập giảng của sinh viên (trên lớp hoặc quay video), giảng viên cần nêu các câu hỏi có vấn đề để kích thích sự tích cực, tiến bộ và đào sâu suy nghĩ của các em về các tình huống có thể xảy ra trong một tiết dạy như: cách đặt câu hỏi, trả lời phù hợp với các đối tượng học sinh, giải thích, trình bày bảng, sử dụng các phương tiện, thiết bị dạy học. Tổ chức cho các em làm việc theo nhóm để phát huy hiệu quả học tập.

*Đối với sinh viên:* Sau quá trình học tập, tích lũy kinh nghiệm, sinh viên sư phạm tiếng Pháp sẽ có thời gian thực tập giảng dạy tại các trường phổ thông. Đây là thời gian trải nghiệm thực tế để có cơ hội cọ xát và tích lũy kinh nghiệm trước khi ra trường và hành nghề. Đây cũng là giai đoạn rất quan trọng trong việc hình thành khuynh hướng nghề nghiệp sư phạm, hình thành nhân cách, đạo đức, lối sống của một giáo viên tương lai. Ngoài công tác chủ nhiệm, thực tập sinh sẽ tiến hành dự giờ, soạn giáo án và giảng dạy theo sự phân công của nơi nhận kiến tập-thực tập. Là một giáo viên tương lai, sinh viên phải ý thức được dạy học là một hoạt động phức tạp, chính vì vậy cần có sự chuẩn bị kỹ càng, tập trung cho môn học. Công việc quan trọng nhất của giáo viên là truyền đạt kiến thức một cách đầy đủ, dễ hiểu cho học sinh. Muốn làm được điều đó, giáo viên phải chuẩn bị giáo án và phương pháp dạy cẩn thận. Giáo án càng được đầu tư, biên soạn tốt thì càng giúp tiết học thành công hơn. Ngoài ra, giáo án sẽ giúp cho người dạy mới bắt đầu vào nghề sự tự tin, an tâm, chủ động hơn trong quá trình giảng, biết rõ trong giờ dạy mình sẽ nói gì, hỏi những gì và ở đoạn nào thì cần đổi thoại. Đặc biệt là khi đổi mới phương pháp, phương tiện dạy học thì giáo viên càng phải đầu tư công sức để **soạn giáo án giảng dạy**. **Cách soạn giáo án** khoa học, chứa đựng đầy đủ các nội dung chắc chắn sẽ mang lại một tiết học hiệu quả hơn. Ngoài ra nhờ vào giáo án mà giáo viên sẽ không còn gặp phải các vấn đề như lúng túng, mất tập trung hay quên bài.

Sinh viên phải hiểu bước đầu tiên trong cách soạn giáo án hiệu quả là xây dựng được mục tiêu cụ thể của tiết học. Khi bắt tay vào một bài học nào đó, nên ghi rõ mục tiêu bài học đặt ra. Để giúp dễ dàng hơn trong bước xây dựng mục tiêu học tập thì trong quá trình soạn giáo án, người dạy cần trả lời được một số câu hỏi như sau: Chủ đề của buổi học là

gì?; Học sinh nắm được những kiến thức gì trong buổi học?; Học sinh đạt được gì từ tiết học này?

Ngoài ra, sinh viên phải nắm vững tiến trình các hoạt động dạy học, phân biệt hoạt động của giáo viên và hoạt động của học sinh trong từng hoạt động cụ thể, định hướng mục tiêu rõ ràng cho từng hoạt động, không nên xây dựng quá nhiều hoạt động trong một tiết học, phân bổ thời lượng cho mỗi hoạt động hợp lý, đặc biệt biết thiết kế các trò chơi liên quan đến bài học vừa giúp học sinh dễ nhớ vừa thư giãn đầu óc. Khi soạn giáo án, giáo viên nên ghi thêm những lời đề dẫn, những ý dẫn dắt giữa các phần và các ý. Điều này có thể tốn thời gian nhưng lại tránh được tình trạng lúng túng, dẫn đến viết và nói không chính xác trên bục giảng.

Khi giảng dạy, sinh viên phải làm chủ được kiến thức của mình, từ đó mới có khả năng làm chủ lớp học và triển khai các thao tác trên lớp đạt hiệu quả. Ngoài ra, trong quá trình giảng bài, sinh viên nên có tương tác với học sinh và bao quát lớp học nhằm phát huy tính chủ động sáng tạo của học sinh, tránh gây căng thẳng, nhàm chán cho tiết dạy.

## **6. Kết luận**

Giảng tập là một học phần cần thiết trong chương trình đào tạo ngành sư phạm tiếng Pháp nói chung và kiến tập-thực tập sư phạm nói riêng, trong đó việc soạn giáo án là một kỹ năng cơ bản và đóng vai trò quan trọng, quyết định thành công của quá trình dạy học. Nó giúp cho sinh viên bắt đầu hình thành các bước lên lớp, biết sử dụng các kỹ năng, phương pháp thích hợp vào một bài giảng và làm quen cách triển khai các thao tác sư phạm cũng như kiến thức đã được học vào bài giảng. Để dạy và học học phần giảng tập đạt hiệu quả tốt nhất, ngoài việc trang bị cho mình kiến thức ngôn ngữ và văn hóa, phục vụ quá trình truyền đạt tri thức cho người học, sinh viên phải nhận thức đúng đối với học phần này và nắm vững các bước soạn giáo án trước khi lên lớp cũng như thường xuyên trau dồi, nâng cao kiến thức và kỹ năng của bản thân nhằm đạt được kết quả tốt sau khi học xong học phần và đợt kiến tập-thực tập tại các trường phổ thông.

## **Tài liệu tham khảo**

- Bloom, B., et al. (1969). *Phân loại các mục tiêu dạy học: lĩnh vực nhận thức*, (*Taxonomie des objectifs pédagogiques: Domaine cognitif*) (traduit par M. Lavallée). Montréal, Education nouvelle.
- Puren, C. (1988). *Histoire des méthodologies de l'enseignement des langues*, Coll. "Didactique des langues étrangères". Paris, Nathan CLE International.
- Tagliante, C. (1994). *La classe de langues*. CLE International.
- Trần Văn Dũng (2010). Dạy học và kiểm tra, đánh giá theo chuẩn kiến thức-kỹ năng. *Tạp chí khoa học Giáo dục, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 62.
- Trần Văn Dũng (2011). *Soạn giáo án theo chuẩn kiến thức-kỹ năng*. Sở giáo dục và đào tạo, Thừa Thiên Huế.

**IMPROVING THE QUALITY OF TEACHING/STUDYING OF  
MODULE TEACHING METHOD FOR JUNIOR STUDENTS  
MAJORED IN FRENCH FOR PEDAGOGY, UNIVERSITY OF  
FOREIGN LANGUAGES, HUE UNIVERSITY**

**Abstract**

Teaching method 6 is a module taught in the 7th semester for 4th year students majoring in French Pedagogy. This is a very important course, helping students to be able to use teaching materials suitable for students, especially understanding the steps in a lesson and the requirements of the lesson through the preparation of the curriculum and lesson plans. In addition, students have the opportunity to practice teaching and get used to being in the classroom to prepare well for the pedagogical internship in high schools in the 8th semester. Through the practice of teaching this module, we realize that students have many difficulties in preparing lesson plans and getting used to teaching in front of the class. Improving the teaching/learning effectiveness of this module will help students apply the knowledge they have learned, successfully complete the internship-internship period, and at the same time practice the necessary skills for teaching after graduation. out of school.

**Keywords:** Teaching, lesson plan, French pedagogy.